CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: **52/CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM/2018**

(TCCS 52:2019/NVL)

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM**

Địa chỉ: **KCN BIÊN HOÀ 2, PHƯỜNG LONG BÌNH, THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM**

Điện thoại: **02513 -836601** Fax: **02513-836602**

E-mail:.....

Mã số doanh nghiệp: 3600235305

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 000136/2017/ATTP-CNĐK / Ngày cấp: 13/02/2017 /Nơi cấp: Cục An Toàn Thực Phẩm - Bộ Y Tế (đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định)

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: KẸO DẺO NESTLÉ ALLEN'S SNAKES ALIVE
2. Thành phần: Sirô glucose (từ *lúa mì* hoặc bắp), đường mía, chất làm dày (tinh bột rang dextrin, tinh bột đã được xử lý bằng acid hoặc starch acetate) (từ *lúa mì*), gelatine, chất điều chỉnh độ acid (acid citric), chất giữ ẩm (glycerine), hương tổng hợp (mơ, dâu, dứa), hương chanh tự nhiên, màu tự nhiên dùng cho thực phẩm (carminic acid, chiết xuất cà rốt đen, paprika oleoresin, copper chlorophyllin, tumeric, carbon thực vật)

   Sản phẩm có chứa lúa mì, có thể chứa sữa.
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 9 tháng kể từ tháng sản xuất
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

   Qui cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 200 g/ gói, 12 gói/ thùng

   Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong bao bì màng phức hợp, sau đó đóng vào thùng carton
5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: Công ty Nestle Australia Ltd – Broadford Factory. Địa chỉ: 65 Mia Mia Road, Broadford, VIC, 3658, Úc

III. Mẫu nhãn sản phẩm: *Có nhãn đính kèm*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:

- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (mục 1.15, 2.26, 3.32, 4.11)

2. Thông tư của các Bộ, ngành:

- Quyết định số 3742/2001/QĐ-BYT: Quy định danh mục các chất phụ gia được phép sử dụng trong thực phẩm (các chất tạo hương)
- Thông tư 27/2012/TT-BYT: Hướng dẫn việc quản lý phụ gia thực phẩm và Thông tư 08/2015/TT-BYT: Sửa đổi, bổ sung một số quy định của thông tư số 27/2012/TT-BYT ngày 30 tháng 11 năm 2012 của bộ trưởng bộ y tế hướng dẫn việc quản lý phụ gia thực phẩm.

3. Tiêu chuẩn của nhà sản xuất:

-Tiêu chuẩn vi sinh theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất

Chỉ tiêu	**Đơn vị**	**Giới hạn tối đa**
Enterobacteriaceae	Cfu/g	10
Salmonella		Không có trong 25g

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

...BH.., ngày 15 tháng 05 năm 2019.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

M.S.D.N: 3600235305 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM - T.P BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Trần Trung Kiên

Quyền trưởng phòng NBD2

CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM
M.S.D.N: 3600235305 - C.T.T.N.H.H
T.P BIÊN HÒA - T.ĐỒNG NAI

Nội dung ghi nhãn của sản phẩm

(Nhãn phụ của sản phẩm)

Kẹo dẻo Nestlé Allen's Snakes Alive

Thành phần: Sirô glucose (từ *lúa mì* hoặc bắp), đường mía, chất làm dày (tinh bột rang dextrin, tinh bột đã được xử lý bằng acid hoặc starch acetate) (từ *lúa mì*), gelatine, chất điều chỉnh độ acid (acid citric), chất giữ ẩm (glycerine), hương tổng hợp (mơ, dâu, dứa), hương chanh tự nhiên, màu tự nhiên dùng cho thực phẩm (carminic acid, chiết xuất cà rốt đen, paprika oleoresin, copper chlorophyllin, tumeric, carbon thực vật)

Sản phẩm có chứa lúa mì, có thể chứa sữa.

Khối lượng tịnh : 200 g

Ngày sản xuất (NSX): 9 tháng trước hạn sử dụng (HSD)

Hạn sử dụng (HSD):

Hướng dẫn sử dụng, bảo quản: Ăn trực tiếp. Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Lưu ý: Không dùng cho người dị ứng với các thành phần của sản phẩm.

Xuất xứ: Úc

Sản xuất bởi: Công ty Nestle Australia Ltd – Nhà máy Broadford. Địa chỉ: 65 Mia Mia Road, Broadford, VIC, 3658, Úc

Thương nhân nhập khẩu và tự công bố: Công ty TNHH Nestlé Việt Nam, Khu Công Nghiệp Biên Hòa 2, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tư vấn khách hàng: 1800-6699 (miễn phí cuộc gọi)

Tiêu chuẩn sản phẩm số: TCCS 52:2019/NVL

M.S.D.N: 3600235305 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM
T.P BIÊN HÒA - T.ĐỒNG NAI

NOTE: All text to be minimum of 5mm from knife line layout unless stated

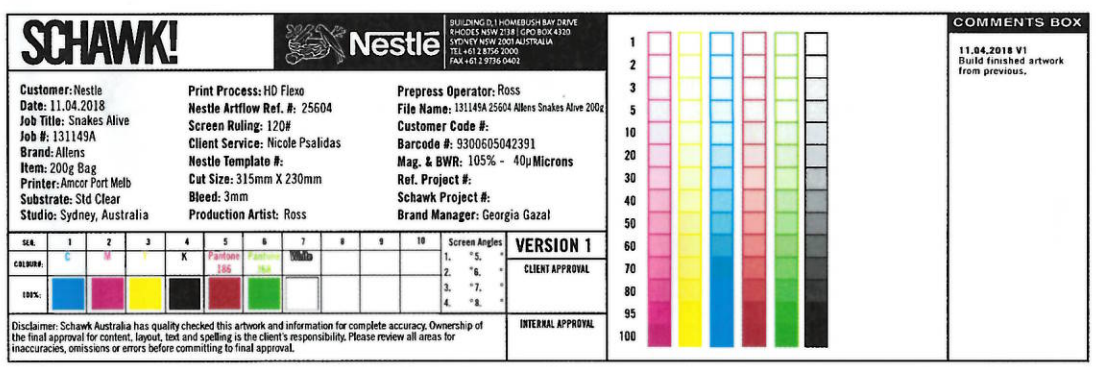

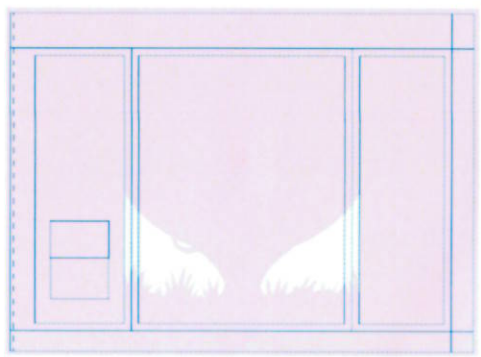

WHITE PLATE GUIDE

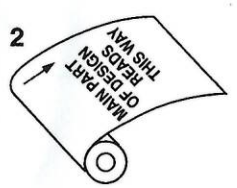

KT3-03391ATP9

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

16/04/2019
Page 01/02

1. Tên mẫu
Name of sample
: **KẸO DẺO NESTLÉ ALLEN'S SNAKES ALIVE**

2. Mô tả mẫu
Sample description
: Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
As received sample is intact package and label.

3. Số lượng mẫu
Quantity
: 01

4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving
: 05/04/2019

5. Thời gian thử nghiệm
Testing duration
: 08/04/2019 – 16/04/2019

6. Nơi gửi mẫu
Customer
: **CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM**
138-142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Q. 1,
Thành phố Hồ Chí Minh

7. Kết quả thử nghiệm
Test results
: Xem trang / *See page* 02/02

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ *PP. DIRECTOR*
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB.

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / *Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
3. N/A: không áp dụng. / *Not applicable.*
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
5. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với k = 2, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with k = 2, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu *Characteristic*		Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.1. Hàm lượng asen tổng số, *Total arsenic content*	mg/kg	TCVN 8427 : 2010	$1,00 \times 10^{-2}$	Nhỏ hơn $3,00 \times 10^{-2}$ *Less than*
7.2. Hàm lượng cadimi, *Cadmium content*	mg/kg	QTTN/KT3 083 : 2012 (Ref: AOAC 2016 (973.35))	$3,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện *Not detected*
7.3. Hàm lượng chì, *Lead content*	mg/kg	QTTN/KT3 083 : 2012 (Ref: AOAC 2016 (973.35))	$3,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện *Not detected*
7.4. Hàm lượng thủy ngân, *Mercury content*	mg/kg	QTTN/KT3 064 : 2016 (Ref: AOAC 2016 (971.21))	$1,50 \times 10^{-2}$	Không phát hiện *Not detected*
7.5. Enterobacteriaceae,	CFU/g	ISO 21528-2 : 2017	-	Nhỏ hơn 10(*) *Less than*
7.6. *Salmonella* spp/ 25 g		ISO 6579 -1:2017	-	Âm tính *Negative*

Ghi chú/ *Notes*:

(*): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ *According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g when the dish contains no colony.*